PIN LƯU TRỮ LiFePO4

GG Power 16 kWh

EnergyHub S16

16,076 kWh danh định • 51,2 V DC • IP65



Dung lượng và điện áp

Loại cell / cấu hình	**LiFePO4 / 1P16S**
Năng lượng danh định	**16,076 kWh**
Dung lượng định mức	**314 Ah**
Điện áp danh định	**51,2 V DC**
Dải điện áp hoạt động	**43,2–57,6 V DC**

Sạc và xả

Dòng sạc/xả định mức	**157 A**
Dòng sạc/xả tối đa	**200 A**
Nhiệt độ sạc	**0 đến +55 °C**
Nhiệt độ xả	**−20 đến +55 °C**
Chu kỳ theo thử nghiệm	**≥ 10.000 chu kỳ**
Hiệu suất chu trình	**≥ 95%**

Kết nối và giám sát

Cổng giao tiếp	**CAN, RS485, RS232**
Kết nối không dây	**Wi-Fi / Bluetooth**
Hiển thị	**LED**
Kết nối song song	**Tối đa 16 bộ**
Tiêu chuẩn theo hãng	**IEC 62619, UN 38.3 / MSDS**

Vỏ tủ và lắp đặt

Cấp bảo vệ / lắp đặt	**IP65 / đặt sàn**
Rộng × sâu × cao	**500 × 250 × 900 mm**
Khối lượng	**128 ± 5 kg**
Nhiệt độ làm việc	**−10 đến +50 °C**
Độ ẩm, không ngưng tụ	**0–95% RH**
Bảo hành theo danh mục	**10 năm theo phiếu**

Đối chiếu trước khi chọn cấu hình

Điều kiện thử chu kỳ theo hãng gồm 25 ± 2 °C, 0,5P, DoD 90% và EOL 70%.
Dung lượng cấp cho tải AC phụ thuộc mức SOC dự phòng và tổn hao inverter.
Xác nhận đúng model inverter, cổng BMS, cấu hình giao thức và giới hạn dòng.
Đặt trên nền phẳng, thoáng, có mái che và nối tiếp địa theo hướng dẫn hãng.
Khi mở rộng, đối chiếu cấu hình truyền thông và thiết kế bảo vệ DC cho từng nhánh.

Nguồn thông số và ảnh

GG Power • Hướng dẫn EnergyHub S16 V1.1, mục 4.3.2, trang PDF 7. Ảnh từ dataset.

Xem SP0391 trên Kha Solar